

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Thị L – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 5C, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Đỗ Văn T – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 5C, xã Tân H, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022, Bản tự khai ngày 15/7/2022 và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày: Chị và anh T kết hôn cách đây khoảng 23 năm, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trầm trọng không thể sống chung với nhau. Nay, chị L yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Chị và anh Tuấn có một con chung cháu tên là Đỗ Thị Tú T, sinh năm 2001. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung không có.

Chị L có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị L về thời gian kết hôn còn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Anh thống nhất với phần trình bày của chị L. Con chung của anh và chị L đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về tài sản và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị L và anh Đỗ Văn T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đỗ

Văn T. Do anh Đỗ Văn T có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị L. Đối với anh Đỗ Văn T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có ý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị L và anh Đỗ Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể sống chung với nhau hơn một năm nay. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải để cho anh chị hàn gắn gia đình như không thành, chị L vẫn giữ quan điểm ly hôn với anh Tuấn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Võ Thị L được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

[3.2] Về con chung: Chị L và anh T có một con chung cháu tên là Đỗ Thị Tú T, sinh năm 2001. Hiện nay cháu T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Võ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị L được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Chị L và anh T có con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Võ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Võ Thị L đã nộp theo biên lai số 0011959 ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị L đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đua